

# NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG KHAI THÁC LÂM SẢN NGOÀI GỖ LÀM THUỐC VÀ THỰC PHẨM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐỒNG SƠN-KỶ THƯỢNG, HOÀNH BỒ, QUẢNG NINH

**TRẦN QUỐC HÙNG**

*Trường Đại học Nông Lâm,*

*Đại học Thái Nguyên*

**LÊ VĂN THẮNG**

*Ban Quản lý Rừng đặc dụng Hạ Long, Quảng Ninh*

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái rừng. Phát triển LSNG thực chất là làm tăng giá trị kinh tế của rừng, để kinh doanh tổng hợp tài nguyên rừng và để bảo vệ rừng [3, 4]. Hoạt động phát triển LSNG còn bị chi phối bởi yếu tố xã hội và nhân văn như việc hoạch định các chính sách, việc bố trí phân công lao động cũng như các chế độ hưởng lợi trong phát triển rừng. Người sinh sống trong vùng, khai thác và sử dụng LSNG như là một trong những kế sinh nhai tất yếu về quyền cũng như nhu cầu được hưởng lợi về rừng. Vì vậy, LSNG góp phần tích cực trong các chương trình xóa đói, giảm nghèo của Nhà nước [1, 5].

Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn-Kỳ Thượng, nằm trong cánh cung trùng điệp của khu Đông Bắc, ở độ cao 150-1120m so với mặt nước biển. Với tổng diện tích 21.353ha, thuộc địa giới hành chính 5 xã: Đồng Lâm, Đồng Sơn, Hòa Bình, Vũ Oai, Kỳ Thượng, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh. Được thành lập năm 2003, theo Quyết định số 440/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh [2]. Đây là khu rừng đặc dụng điển hình của hệ sinh thái rừng kín lá rụng thường xanh núi thấp, có tính đa dạng sinh học cao ở vùng Đông Bắc Việt Nam. Tuy vậy hiện tại, những áp lực lên Khu Bảo tồn là rất lớn, vì đây là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số: Dao, Sán Chỉ, Tày. Đời sống của bà con các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Cuộc sống của người dân nơi đây phụ thuộc rất rõ vào tài nguyên rừng, nhất là nguồn LSNG là chủ yếu. Vì thế, các hoạt động khai thác và buôn bán LSNG là hoạt động thường xuyên mang tính không bền vững. Trong thực tế, rất nhiều loài LSNG đã cạn kiệt, không còn để khai thác mặc dù trước đây có rất nhiều với trữ lượng lớn. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do người dân chỉ khai thác các sản phẩm của chúng mà chưa chú ý tới việc bảo tồn, gây trồng, chăm sóc hoặc khai thác một cách hợp lý.

Bài báo này được hoàn thành trong khuôn khổ của đề tài thạc sĩ nhằm đánh giá thực trạng để góp phần sử dụng hợp lý LSNG và nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn-Kỳ Thượng, Hoành Bồ, Quảng Ninh.

## I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài cây lâm sản ngoài gỗ (LSNG) hiện có ở Khu Bảo tồn dùng làm thuốc và thực phẩm.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

\* **Khảo sát:** Khảo sát tình hình chung ở cả vùng Khu Bảo tồn và cụ thể tại xã Đồng Sơn và Kỳ Thượng.

\* **Phỏng vấn:**-Phỏng vấn cán bộ địa phương và Khu Bảo tồn: Nhằm tìm hiểu tình hình chung về kinh tế-xã hội của thôn, tình hình chung về quản lý rừng và đất rừng của Khu Bảo tồn, các chính sách, chương trình thực hiện tại vùng đệm và việc sử dụng LSNG, tài nguyên rừng của các cộng đồng địa phương trong vùng đệm.

- Phỏng vấn hộ gia đình: Được thực hiện tại 02 xã (mỗi xã chọn 30 hộ gia đình làm cộng tác viên điểm). Các hộ phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu phân tầng ngẫu nhiên. Tiêu chuẩn của các cộng tác viên này là: Biết khai thác/chế biến các LSNG; Có kiến thức/kỹ năng thực hành; Am hiểu truyền thống quản lý, sử dụng LSNG của cộng đồng; Sử dụng tốt hai thứ tiếng (tiếng phổ thông và tiếng Dao); Đại diện cho các thành phần khác trong thôn bản như: Lứa tuổi, lãnh đạo thôn, giới, thành phần kinh tế, mối quan tâm. Điều quan trọng nhất khi phỏng vấn là đề nghị người cung cấp tin liệt kê đầy đủ tên những loài LSNG được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc, thực phẩm bằng tiếng dân tộc của họ để tránh được sự nhầm lẫn tên cây giữa các ngôn ngữ, văn hóa khác nhau.

\* **Thảo luận nhóm:** Phương pháp này được thực hiện sau khi thực hiện công cụ phỏng vấn hộ gia đình. Các cuộc thảo luận được tiến hành dựa trên khung thảo luận chuẩn bị sẵn.

\* **Điều tra thu thập số liệu trên tuyến và các ô tiêu chuẩn:** Điều tra theo tuyến với người cung cấp thông tin quan trọng: Đây là phương pháp thường được áp dụng trong điều tra tài nguyên thực vật [6].

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Những loài LSNG được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc và thực phẩm

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các loài LSNG tại Khu Bảo tồn chủ yếu khai thác từ rừng tự nhiên, thuộc vùng đệm hoặc khu bảo vệ nghiêm ngặt của vườn. Số lượng loài được người dân trong vùng sử dụng làm thuốc và thực phẩm có tới 142 loài, trong đó nhóm thực vật cho LSNG làm thuốc được khai thác chủ yếu trong rừng tự nhiên chiếm tới 99 loài (69,7%) và nhóm thực vật cho lương thực thực phẩm 43 loài chiếm 30,3%.

#### 1.1. Nhóm cây thuốc

- **Những loài khai thác cả cây, thân và dây:** Nghiên cứu thống kê được có 47 loài khai thác được cả cây (thân, dây leo) như: Kim ngân thơm, Sạ đen, Sỏi rừng, Thạch sương bồ, Hương nhu, Ích mẫu, Bạc hà, Tầm gửi,... chúng được thu hái quanh năm. Người dân địa phương cũng khai thác những thân cây, dây leo đã già không lấy phần ngọn. Nếu hiếm gặp thì lấy thân, dây ở dạng bánh tẻ.

- **Những loài khai thác lá:** Có 10 loài sử dụng lá để chữa bệnh như: Bọt ếch, Bông bong lá nhỏ, Đom đóm, Nhội, Thóc lép, Vây ốc, Ba gác vàng, Dây nhót rừng,... các loài này người dân thường lấy lá ở bất kỳ vị trí nào trên cây, cành. Theo các thầy lang thì có thể dùng cả lá già và lá non. Trên một cây lấy hết được các lá chỉ có những lá bị khô, lá vàng, lá bệnh là bỏ. Nếu khai thác với số lượng nhỏ vừa đủ cho một thang thuốc thì sẽ chọn lá to, tốt đẹp nhất của cây, cành.

- **Những loài khai thác rễ, củ:** Nghiên cứu thống kê được có 20 loài sử dụng củ, rễ làm thuốc như: Thiên niên kiện, Củ mài, Nghệ, Củ ấu, Dáy đại, Huyết đằng, Củ bình vôi,... Các thầy lang thường thuê người dân khai thác các loại củ, rễ già (một số loài có màu sắc đặc trưng: Vàng, đỏ, đen,...), thường thì người dân không khai thác những cây còn non mà họ chỉ khai thác những cây già, bởi theo các thầy lang cho biết họ chỉ thu mua những cây, củ, rễ đã vào thời kỳ già hoặc bánh tẻ để làm thuốc vì như vậy vị thuốc mới có tác dụng tốt và cũng là để cây non phát triển được. Hình thức thu hái của họ chủ yếu là dùng dao, thuổng, cuốc để đào và lấy hết toàn bộ củ, rễ trừ một số loài cây lớn có nhiều rễ to họ để lại một phần.

- *Những loài khai thác vỏ*: Nghiên cứu thống kê có 13 loài là: Thừng mực lông, Xoan đào, Quế, Re hương, Trầm hương, Thanh thất lá nhỏ,... người dân lấy vỏ cây làm thuốc. Họ dùng dao để đẽo vỏ, cả vỏ non, vỏ già đều làm thuốc được nhưng vỏ già sẽ tốt hơn.

- *Những loài khai thác quả, hạt, nhựa*: Nghiên cứu thống kê có 9 loài là: Sa nhân, Cà muối, Đại phong tử, Dứa dại tím đỏ, Chuối rừng, Đu đủ rừng,...

- *Khai thác mật*: Đặc biệt sản phẩm mật ong, người dân thường thu vào các tháng cuối năm vì khi đó theo dân gian thì mật chứa ít nước nhất nên chất lượng rất tốt. Ngoài ra mật ong cũng được thu hoạch vào các tháng 3, 4, 5 vì đây là thời điểm cây rừng và cây ăn quả trồng ở vườn nhà nở hoa cho nên ong sẽ lấy được rất nhiều mật vào thời điểm này.

Đối với các loài cây thuốc nói trên khi các bộ phận thu hái khác nhau, hoặc cách thức pha chế, chế biến khác nhau sẽ có những công dụng khác nhau vì vậy cần hết sức chú ý, có những vị thuốc dùng riêng cũng phát huy tác dụng nhưng có những loại phải dùng phối hợp nhiều loài với nhau để chữa bệnh. Chẳng hạn, loài Dứa dại tím đỏ thường được người dân phối hợp với mật ong sử dụng trong các bài thuốc Nam chữa bệnh gan,...

Bảng 1

Các loài LSNG làm thuốc, hình thức khai thác và mức độ thường gặp

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
<b>Khai thác cả cây</b>			
1	Thông đất	<i>Lycopodium cernuum</i> L.	++
2	Rau má	<i>Hydrocotyle wilfordii</i> Maxim.	+++
3	Dừa cạn	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don	++
4	Cỏ phân heo	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	+++
5	Bồ công anh	<i>Taraxacum</i> sp.	++
6	Rau ráu	<i>Vernonia scandens</i> DC.	++
7	Cỏ nhọ nồi	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	+++
8	Kim ngân thơm	<i>Lonicera</i> sp.	+
9	Xạ đen	<i>Celastrus hindsii</i> Benth	+
10	Sói rừng	<i>Chloranthus brachystachys</i> Blume	+++
11	Vuốt hùm	<i>Caesalpinia minax</i> Hance	++
12	Bồ cu vẽ	<i>Breynia fruticosa</i> (L.) Hook. f.	+++
13	Chòi mòi	<i>Antidesma fordii</i> Hemsl.	++
14	Cam thảo	<i>Abrus precatorius</i> L.	++
15	Kim tiền thảo	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr.	+
16	Chẹo tía	<i>Engelhardtia spicata</i> Lesch. ex Blume	+++
17	Hương nhu	<i>Ocimum gratissimum</i> L.	++
18	Ích mẫu	<i>Leonurus heterophyllus</i> Sweet	+
19	Bạc hà	<i>Mentha arvensis</i> L.	++
20	Tầm gửi	<i>Lorathus</i> sp.	++

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
21	Cối xay	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	++
22	Ké hoa đào	<i>Urena lobata</i> L.	++
23	Mua đồ cọng	<i>Osbeckia truncata</i> D. Don	++
24	Dây đau xương	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	+
25	Lá khôi	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	+
26	Mã đề	<i>Plantago major</i> L.	++
27	Dạ cẩm	<i>Hedyotis capitellata</i> Wall. ex G. Don	++
28	Thồm lồm	<i>Polygonum chinense</i> L.	++
29	Lấu	<i>Psychotria bonii</i> Pitard	++
30	Xương gà	<i>Pavetta graciliflora</i> Wall.	++
31	Xương cá	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.	++
32	Ba gác	<i>Euodia lepta</i> (Spreng.) Merr.	++
33	Sến gai	<i>Zanthoxylum acanthopodium</i> DC.	++
34	Bưởi bung	<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq.	++
35	Thài lài tía	<i>Tradescantia zebrina</i> Hort. ex Loud.	++
36	Vọng cách	<i>Premna integrifolia</i> L.	++
37	Chia vôi	<i>Cissus subtetragona</i> Planch.	+
38	Thạch xương bồ	<i>Acorus gramineus</i> Soland.	+
<b>Khai thác thân</b>			
39	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	+
40	Răng cá	<i>Carallia lucida</i> Roxb.	++
41	Thôi chanh	<i>Evolia melialifolia</i> Benth	++
42	Bùm bụp	<i>Mallotus apelta</i> (Lour.) Muell.-Arg.	+++
43	Nấm lim	sp.	+
<b>Khai thác dây</b>			
44	Dây khế lá nhỏ	<i>Rourea nucrophylla</i> PL.	+++
45	Dây dất na	<i>Fissistigma</i> sp.	+++
46	Chặc chìn	<i>Tetracera scandens</i> (L)	+++
47	Mâm xôi	<i>Rubus alcaefolius</i> Poir	+++
<b>Khai thác lá</b>			
48	Đuôi chồn	<i>Adiantum caudatum</i> L.	+
49	Dớn đen	<i>Adiantum flabellulatum</i> L.	+
50	Bông bong lá nhỏ	<i>Lygodium auriculatua</i>	++
51	Ba gác vàng	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	+
52	Dây nhót rừng	<i>Elaeagnus arrugustifolia</i>	+

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
53	Nhội	<i>Bischofia javanica</i> Bl.	++
54	Bọt ếch	<i>Glochidion velutinum</i> Wight	+++
55	Thóc lép	<i>Desmodium carlesii</i> Schindl.	++
56	Cây vẩy ốc	<i>Salomonina cantoniensis</i> Lour.	++
57	Đom đóm	<i>Alchornea trewioides</i> (Benth.) Muell.-Arg.	++
<b>Khai thác củ</b>			
58	Cốt toái bồ	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Sm.	+
59	Thiên tuế	<i>Cycas balansae</i> Worb	++
60	Dây phong kỷ	<i>Aristolochia tagala</i> Chamisso	+
61	Hà thủ ô	<i>Streptocaulon griffithii</i> Hook. F.	+
62	Củ béo đen	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban	+
63	Củ béo trắng	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban	+
64	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How	+
65	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	+
66	Địa liền	<i>Kaempferia galanga</i> L.	+
67	Sâm nam	<i>Millettia speciosa</i> Champ. ex Benth.	+
68	Củ bình vôi	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	+
69	Huyết đằng	<i>Sargentodoxa cuneata</i> (Oliv.) Rehd. & Wils.	+
70	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	+
71	Ráy dại	<i>Alocasia macrorrhizos</i> (L.) G. Don	++
72	Củ ấu	<i>Trapa bicornis</i> L.	++
<b>Khai thác rễ</b>			
73	Trọng đũa lá nhỏ	<i>Ardisia graciliflora</i> Pitard	++
74	Ốt sừng lá nhỏ	<i>Erytamia officinalis</i> Tsiang	++
75	Đắng cây	<i>Clerodendrum cyrtophyllum</i> Turcz	++
76	Sậy	<i>Phragmites australis</i> (Cav.) Trin. ex Steud.	+++
77	Hương bài	<i>Dianella ensifolia</i> (L.) DC.	++
<b>Khai thác quả</b>			
78	Cà muối	<i>Rhus chinensis</i> Munllir	++
79	SỔ	<i>Dillenia indica</i> L.	+
80	Lọng bàng	<i>Dillenia heterosepala</i> Fin. & Gagnep.	++
81	Đại phong tử	<i>Hydnocarpus anthelminthica</i> Pierre ex Gagnep.	++

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
82	Chuối rừng	<i>Musa uranoscopos</i> Lour.	+++
83	Dứa dại tím đỏ	<i>Pandanus</i> sp.	+
84	Sẹ	<i>Alpinia chinensis</i> (Koenig in Retz.) Rosc.	++
85	Sa nhân	<i>Amomum xanthioides</i> Wall. ex Baker	+
86	Đu đủ rừng	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan.	++
<b>Khai thác vỏ</b>			
87	Thừng mực lông	<i>Wrightia tomentosa</i> Roeni	++
88	Đáng lá nhỏ	<i>Scheffera</i> sp.	++
89	Núc nác	<i>Oroxylon indicum</i> Vent.	+
90	Gạo	<i>Gossampinus malabarica</i> (DC.) Merr.	+
91	Sòi tía	<i>Sapium discolor</i> (Champ. ex Benth.) Muell.-Arg.	++
92	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> Presl	
93	Re hương	<i>Cinnamomum iners</i> Reinw. ex Blume	++
94	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers.	+++
95	Xoan đào	<i>Pygeum arboreum</i> Endl.	+
96	Thanh thất lá nhỏ	<i>Ailanthus</i> sp.	++
97	Máu chó lá nhỏ	<i>Knema conferta</i> Warb.	++
<b>Khai thác nhựa, mật</b>			
98	Trâm hương	<i>Aquylaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	+
99	Mật ong		+

Ghi chú: +++: Số lượng nhiều; ++: Trung bình; +: Ít.

**\* Nhóm thực phẩm**

- *Những loài khai thác thân, lá:* Nghiên cứu thống kê được 15 loài. Các loài được lấy lá làm rau ăn như: Rau Dớn, rau Ngót ngọt, rau Sắng, rau Bò khai, Lá lốt, Ngải cứu, Rau má,... Người dân thường chọn những lá còn non, bánh tẻ... ở bất kỳ vị trí nào trên cây. Tùy từng loài nhưng thường là những lá có màu xanh nhạt. Thời điểm khai thác có thể ở các tháng khác nhau trong năm tùy thuộc từng loài cụ thể. Ngoài ra người dân còn sử dụng các bộ phận thân, lá để chăn nuôi,...

- *Những loài khai thác củ:* Kết quả đã thống kê được 9 loài như: Măng tre mai, Măng nứa, Măng vầu đắng, Măng tre gai, Củ nâu trắng, Củ gừng, Củ nghệ, Củ mài,... Người dân địa phương khai thác chủ yếu theo kinh nghiệm quan sát lá ở gốc cây rụng hoặc chuyển sang màu vàng, ở ngọn có ít hoặc không có chồi non sinh trưởng vì ở giai đoạn đó củ mới tích lũy được nhiều tinh bột, dinh dưỡng.

- *Những loài khai thác quả:* Nghiên cứu thống kê được 19 loài người dân thường khai thác quả già hoặc quả chín. Họ căn cứ vào màu sắc, hình dạng, kích thước của quả. Có một số loại khác người dân thu hái khi chúng còn xanh như quả Dọc, quả Trám trắng, Trám đen, quả Sấu,...

Bảng 2

**Các loài LSNG làm thực phẩm, hình thức khai thác và mức độ thường gặp**

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
<b>Khai thác củ</b>			
1	Củ nâu trắng	<i>Dioscorea cirrhosa</i> Lour.	+
2	Nửa	<i>Schyrostashyum latiflorus</i>	++
3	Tre mai	<i>Sinocalamus latiflorus</i> (Munro) McClure	++
4	Gừng	<i>Zingiber officinale</i> Rosc.	++
5	Riềng dại	<i>Alpinia chinensis</i> (Koenig in Retz.) Rosc.	++
6	Nghệ trắng	<i>Curcuma aromatica</i> Salisb.	++
7	Củ mài	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burk.	+
8	Vầu đắng	sp.	+++
9	Tre gai	sp.	+++
<b>Khai thác quả</b>			
10	Giẻ gai	<i>Castanopsis</i> sp.	++
11	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i> Dandy	++
12	Chanh rừng	<i>Xanthophyllum hainanense</i> Hu	+
13	Hồng bì rừng	<i>Clausena excavata</i> Burm. f.	++
14	Sến	<i>Madhuca pasquyeri</i> (Dubard) H. J. Lam	+
15	Trám trắng	<i>Garuga pinnata</i> Roxb.	+++
16	Trám chim	<i>Canarium alburnia</i> Raeusch	++
17	Bứa	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ. ex Benth.	++
18	Đọc	<i>Garcinia multiflora</i> Champ. ex Benth.	+
19	Tai chua	<i>Garcinia pedunculata</i> Roxb. ex Buch.-Ham.	++
20	Sỗ	<i>Dillenia indica</i> L.	+
21	Côm tầng	<i>Elaeocarpus dubius</i> DC.	++
22	Chay rừng	<i>Artocarpus asperulus</i> Gagnep.	+
23	Sung	<i>Ficus amplissima</i> Smith	+++
24	Sim	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.) Hassk.	+++
25	Dây gắm	<i>Gnetum moutarium</i> Markgz	++
26	Nóng	<i>Saurauia tristyla</i> DC.	+
27	Sấu	<i>Dracontomelon duperreanum</i> Pierre	++
28	Dâu da xoan	<i>Allospondias lakonensis</i> (Pierre) Stapf	+++
<b>Khai thác lá</b>			
29	Rau tàu bay	<i>Gynura pinnatifida</i> (Lour.) DC.	+
30	Rau tai voi	sp.	++
31	Rau dớn	<i>Cystopteris traquilis</i>	++
32	Rau ngót ngọt	<i>Sauropus androgynus</i> (L.) Merr.	++
33	Rau ngót dây	sp.	+
34	Bò khai	<i>Erythralum scandens</i> Blume	+

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ thường gặp
35	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre	+
36	Găng	<i>Paederia foetida</i> L.	++
37	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C. DC.	++
<b>Khai thác cả thân, dây, lá</b>			
38	Mộc nhĩ	<i>Auricularia polytricha</i>	++
39	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn.) Planch.	++
40	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	++
41	Rau má	<i>Hydrocotyle wilfordii</i> Maxim.	++
42	Rau mùi tàu	<i>Eryngium foetidum</i> L.	++
43	Nhân trần	<i>Acrocephalus capitatus</i> (Roth) Benth.	++

Ghi chú: +++: Số lượng nhiều; ++: Trung bình; +: Ít.

## 2. Đánh giá thực trạng khai thác và nguyên nhân làm suy giảm nguồn lâm sản ngoài gỗ làm thuốc và thực phẩm tại khu vực nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng khai thác

Kết quả cho thấy với mức độ khai thác rất thường xuyên, lượng khai thác lớn nhằm để phục vụ cho nhu cầu hiện tại của hộ gia đình, cộng đồng và thị trường đồng thời cách khai thác tuy tiện vì vậy đã dẫn đến việc không đảm bảo khả năng tồn tại của các loài LSNG này. Hiện nay, lượng khai thác, khả năng tìm thấy chúng ít hơn rất nhiều so với trước kia và có xu hướng ngày càng giảm đi. Do đó nhiều loài đang đứng trước nguy cơ biến mất tại địa phương, ví dụ như:

- Các loài làm thuốc: Hoàng đằng, Sa nhân, Dây bồ, Ba kích, Nấm lim, Lá khôi,...
- Các loài làm thực phẩm: Rau Ngót ngọt, rau Ngót dây, củ Mài, rau Sắng,...

### 2.2. Một số nguyên nhân chính

Do việc phá rừng của người dân địa phương để khai thác lâm sản, lấy đất để trồng trọt, ... nên tài nguyên rừng bị suy thoái, nguồn lâm sản ngoài gỗ bị đe dọa.

Nơi đây cuộc sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, diện tích đất canh tác nông nghiệp không lớn. Trồng trọt, chăn nuôi với quy mô nhỏ cho nên cuộc sống của người dân gắn bó với rừng. Người dân vào rừng thu hái, khai thác nguồn LSNG để phục vụ cuộc sống và đem bán nhưng thường bị lái buôn ép giá nên họ phải khai thác với số lượng nhiều thì mới có đủ tiền để chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày.

Do thói quen khai thác của người dân cứ thấy loài mình cần là lấy hết không đảm bảo sự tái sinh cho cây.

Do nhu cầu của thị trường ngày càng nhiều về mặt hàng thuốc chữa bệnh đặc biệt là việc thu mua với giá cao của các thương gia Trung Quốc đã làm giảm nghiêm trọng nguồn tài nguyên cây thuốc.

Do địa hình hiểm trở, phức tạp chủ yếu là núi cao, kết hợp với lực lượng kiểm lâm còn ít so với diện tích rừng cần quản lý vì vậy đã dẫn tới hạn chế trong công tác quản lý bảo vệ rừng tại đây.



### III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tại khu vực nghiên cứu có tới 142 loài LSNG làm thuốc và thực phẩm trong đó, nhóm LSNG làm thuốc chiếm tới 99 loài (69,7%) và nhóm LSNG cho thực phẩm có 43 loài chiếm 30,3%. Mặc dù con số trên chưa chắc chắn đã đầy đủ song nó cũng phản ánh thành phần loài thực vật SLNG dùng làm thuốc, thực phẩm ở đây hết sức phong phú. Điều này cho thấy tiềm năng để phát triển thực vật cho LSNG tại địa bàn là rất lớn. Tuy nhiên hiện nay do nhu cầu của thị trường về các loài LSNG làm thuốc và thực phẩm kết hợp với việc khai thác chúng một cách rất tùy tiện do đó làm ảnh hưởng rất lớn đến số lượng và khả năng tái sinh của các loài thực vật rừng, dẫn đến nhiều loài đang đứng trước nguy cơ biến mất tại địa phương. Đây cũng là các loài mà trong kết quả điều tra phỏng vấn và điều tra thực địa đều cho thấy số lượng bắt gặp còn rất ít hoặc hiếm gặp.

Trên các kết quả nghiên cứu, kiến nghị cần phải sớm có những biện pháp kịp thời để bảo tồn và phát triển nguồn gen các loài thực vật LSNG làm thuốc và thực phẩm tại đây.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn, 2001. Trồng cây nông nghiệp, cây dược liệu và cây đặc sản dưới tán rừng, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Báo cáo thường niên của Ban Quản lý Khu Bảo tồn Đông Sơn-Kỳ Thượng, Hoành Bồ Quảng Ninh, 2010, 2011.
3. La Quang Độ, 2001. Tìm hiểu việc sử dụng thực vật rừng làm thuốc, rau ăn của nhân dân các xóm Bán Cán, Nà Năm thuộc Vườn Quốc gia Ba Bể-tỉnh Bắc Kạn, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
4. Võ Đại Hải, Lê Sỹ Trung, 2012. Sách chuyên khảo về Lâm sản ngoài gỗ dùng cho học viên cao học. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Đỗ Hoàng Sơn, Đỗ Văn Tuấn, 2007. Thực trạng khai thác, sử dụng và tiềm năng gây trồng cây thuốc tại Vườn Quốc gia Tam Đảo và vùng đệm, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.
6. Đặng Kim Vui, 2012. Khai thác và phát triển một số loài cây địa phương dùng làm men rượu phục vụ chế biến rượu đặc sản, Đại học Thái Nguyên.

### RESEARCH ON EXPLOITATION OF NON TIMBER FOREST PRODUCTS (NTFP) FOR MEDICINES AND FOODS AT DONG SON-KY THUONG NATURE RESERVE, HOANH BO DISTRICT, QUANG NINH PROVINCE

TRAN QUOC HUNG, LE VAN THANG

### SUMMARY

The research results showed that in the research area there are 142 species of NTFPs for medicines and foods. Among them, the medicinal group accounted for 99 species (69.7%) and 43 species for food (30.3%). Although the data may be not enough, but it reflects very rich the NTFPs used as medicines, food. This shows the potential very large to develop plants for NTFPs in the area. But today's market demand for NTFPs used as medicines and foods is high and including with the exploitation unplanned of them therefore greatly affect the amount and regeneration of forest plants. This is the cause for many species in danger of disappearing in the area. Those species founded in the field survey and in the interviews showed that the number of encounters is very limited.

Based on the research findings, recommendations are needed urgently timely measures to conserve and develop plant genetic resources of NTFPs for food and medicines here.